

PHỤ LỤC II

TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG XÃ BÌNH THÀNH

BÁO CÁO TÀI SẢN CÔNG LÀ MÁY MÓC, THIẾT BỊ CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG XÃ BÌNH THÀNH

(Kèm theo Công văn số 03 /TTPVHCC-KT ngày 06/8/2026 của Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Bình Thành)

STT	Tên cơ quan, tổ chức đơn vị	Đơn vị tính (Cái, bộ, hệ thống...)	Tổng số lượng hiện có	Tổng nguyên giá (Nghìn đồng)	Tổng GTCL (Nghìn đồng)	Tổng số máy móc, thiết bị hiện có so với tổng số theo tiêu chuẩn định mức		Khái toán kinh phí đầu tư bổ sung (trường hợp thiếu so với tiêu chuẩn định mức) (Nghìn đồng)	Ban hành tiêu chuẩn định mức		
						Thiếu	Thừa		Đã ban hành (số ngày tháng năm Quyết định)	Chưa ban hành	Không ban hành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	TỔNG CỘNG					5		69.000,00			
	Trung tâm hành chính công					5		...		...	...
1	Mát tính xách tay	Cái	1	20.000	12.000	1	-	20.000,00	Số 16 ngày 22/10/2025	...	...
2	Máy tính để bàn	Bộ	3	14.950	6.833	2		40.000,00	...	...	...
3	Máy scan	Cái	1	10.050	4.954			...	...	...	...
4	Máy in	Cái	4								
5	Cây lấy số	Cây	1								
6	Màn hình hiển thị, tra cứu TTHC	Cái	1								
7	Màn hình gọi số tự động	Cái	5								
8	Máy tính bảng	Cái	5								
9	Bàn ghế ngồi phòng lãnh đạo	Bộ	1	13.000	11.142				Số 08 ngày 02/01/2026		
10	Bàn tiếp công dân, bàn làm việc	Cái	11	40.000					Số 23 ngày 23/12/2025		
11	Ghế băng 4 chỗ	Chiếc	2	3.200							
12	Ghế ngồi làm việc	Chiếc	4	2.800							
13	Bàn làm việc phòng lãnh đạo	Cái	1	6.600					Số 08 ngày 02/01/2026		
14	Tủ đựng tài liệu	Chiếc	4			1		7.000,00			
15	Phích đun nước	Chiếc	1	700				...	...	...	...
16	Điều hoà	Bộ	2								
17	Điều hoà phòng lãnh đạo	Bộ	1	9.500							
18	Camera	Cái	1								
19	Màn hình theo dõi	Chiếc	1								
20	Phần mềm misa	Gói	1	14.000	11.200						

21	Phần mềm tài sản	Gói	1	1.800							
22	Gói Foot dịch vụ VNPT-Smart	Gói	1	1.800							
23	Phần mềm chứng thực ký số VNPT	Gói	1	2.966							
24	phần mềm Quản lý và Lập báo cáo ngân sách	Gói				1		2.000,00			

Ghi chú:

Trường hợp cột (7) có giá trị thì chuyển sang điền chi tiết vào phụ lục III và khi đó tổng số máy móc thiết bị tại cột (4) Phụ lục III phải bằng với số lượng tại cột (7) Phụ lục II

Trường hợp cột (8) có giá trị thì chuyển sang điền chi tiết vào phụ lục IV và khi đó tổng số máy móc thiết bị tại cột (4) Phụ lục IV phải bằng với số lượng tại cột (8) Phụ lục II

Giá trị tại Cột (9) được lấy từ giá trị từ cột (8) Phụ lục III

Tiêu chuẩn định mức được xác định theo quy định tại Quyết định số 15/2025/QĐ-TTG, Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg, Quyết định số 32/2025/QĐ-UBND và các quy định có liên quan trong đó bao gồm cả quy định máy móc thiết bị cho trui

Máy móc thiết bị bao gồm cả máy móc thiết bị tại bộ phận "một cửa", trung tâm hành chính công của các xã (Phường)